

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo
năm học 2026 - 2027 trên địa bàn xã Tô Múa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÔ MÚA
KHÓA XXI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/07/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo năm 2026 và Hướng dẫn số 04/HD-SGDĐT ngày 11/12/2025 về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo năm 2026;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 05/TTr-UBND ngày 12/01/2026; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BVHXH ngày 16/01/2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và kết quả biểu quyết của Đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2026 -

2027 trên địa bàn xã Tô Múa.

(có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu HĐND xã và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Tô Múa khoá XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các tổ DB, DB HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã
- Các bản, tiểu khu xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Việt Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÔ MÚA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027

(kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 19/01/2026 của HĐND xã Tô Múa)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025 - 2026

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA XÃ

Xã Tô Múa là khu vực miền núi của tỉnh Sơn La, được thành lập trên cơ sở sáp nhập địa giới, tổ chức và dân cư của 03 đơn vị hành chính gồm xã Suối Bàng, xã Tô Múa và xã Chiềng Khoa theo Nghị quyết 1681/NQ- UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025.

- Toàn xã có diện tích 181,98 km², dân số 14.709 người, gồm 05 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Kinh (10,26), Thái (69,66%), Mường (15,17%), Mông (0,98%), Dao (3,90%), khác (0,03%). Các dân tộc trên địa bàn sinh sống đan xen trong cộng đồng trong đó dân tộc Thái, Mường, Kinh chiếm tỷ lệ chủ yếu. Vì vậy việc phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; thu nhập của người dân giữa các vùng, các dân tộc còn khác nhau, trình độ dân trí và nhận thức của nhân dân chưa đồng đều. Từ đó các chính sách, chương trình hỗ trợ cho đồng bào các dân tộc thiểu số luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền xã quan tâm triển khai thực hiện như: Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình nông thôn mới và các hoạt động văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động. Theo số liệu điều tra đến cuối năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo của xã còn 8,54% và tỷ lệ hộ cận nghèo 4,83%. Đặc điểm đó vừa tạo nên lợi thế về nguồn lực phát triển, vừa đặt ra yêu cầu cao đối với bộ máy chính quyền cơ sở trong việc nhanh chóng ổn định tổ chức, bảo đảm sự thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Về tình hình kinh tế - xã hội của xã còn nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục và đào tạo và công tác huy động xã hội hóa có sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa đáp ứng kịp so với yêu cầu thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GD&ĐT

1. Mạng lưới trường, lớp: Trên địa bàn toàn xã Tô Múa có 07 đơn vị trường, trong đó: 06 trường trực thuộc UBND xã quản lý, 01 trường trực thuộc Sở GD&ĐT quản lý. Cụ thể: cấp Mầm non 03 trường; cấp TH&THCS 03 trường;

cấp THPT 01 trường.

2. Quy mô học sinh, tỷ lệ huy động, công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở

a) Quy mô học sinh

- Cấp Mầm non: Tổng số 43 nhóm lớp/trẻ với 866 trẻ, trong đó: Nhà trẻ 11 nhóm trẻ với 223 trẻ, mẫu giáo 32 lớp với 643 trẻ (*trẻ 5 tuổi 234 trẻ*); tỷ lệ nhà trẻ 20,3 trẻ/nhóm, tỷ lệ mẫu giáo 20,1 trẻ/lớp. Duy trì sỹ số đạt 100% (*đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra*).

- Cấp Tiểu học: 65 lớp với 1.264 học sinh; tỷ lệ trung bình 19,4 học sinh/lớp. Duy trì sỹ số đến cuối năm học đạt 100% (*tỷ lệ đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra*).

- Cấp THCS: 27 lớp, với 958 học sinh; tỷ lệ trung bình 35,5 học sinh/lớp. Duy trì sỹ số đạt 98,8%.

b) Tỷ lệ huy động các lớp đầu cấp: Tỷ lệ huy động trẻ từ 0-36 tháng tuổi ra lớp đạt 61,2%, trong đó trẻ từ 1-2 tuổi ra lớp đạt 98%; trẻ 3-5 tuổi ra lớp đạt 100%; trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100% (*đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra*); trẻ hoàn thành chương trình mầm non 5 tuổi vào học lớp 1 đạt 100% (*đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra*); học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100% (*đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra*); học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục đi học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt 79,91%.

c) Công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở: Các nhà trường đã thành lập hội đồng tư vấn hướng nghiệp; tổ chức điều tra thu thập thông tin, phân tích về nhu cầu, xu hướng lựa chọn ngành nghề của học sinh lớp cuối cấp học để hội đồng tư vấn hướng nghiệp tập trung đưa ra nội dung tư vấn hướng nghiệp cho học sinh; phân công giáo viên dạy học về công tác hướng nghiệp vào dạy lớp 9; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định về chương trình giáo dục hướng nghiệp với hình thức phong phú, đa dạng theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

3. Chất lượng giáo dục, tổ chức và tham gia các hội thi

a) Chất lượng giáo dục (được so sánh với năm học trước liền kề):

*** Cấp mầm non**

- *Chất lượng nuôi dưỡng:* Nhà trẻ: suy dinh dưỡng nhẹ cân còn 3,8%; suy dinh dưỡng thấp 3,8%. Mẫu giáo: suy dinh dưỡng nhẹ cân còn 2,6%; suy dinh dưỡng chiều cao còn 2,7%.

- *Chất lượng giáo dục:* Nhà trẻ: phát triển thể chất 97% (*tăng 0,6%*); phát triển nhận thức 97% (*tăng 0,6%*); phát triển ngôn ngữ 97,3% (*tăng 0,3%*); phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ 97% (*tăng 6%*). Mẫu giáo: phát triển thể chất 97,5% (*tăng 1,0%*); phát triển nhận thức 97,3,0% (*tăng 1,4%*); phát triển ngôn ngữ 97,3% (*tăng 0,3%*); phát triển tình cảm xã hội 98,0% (*tăng 0,4%*); phát triển thẩm mỹ 98% (*giữ mức*).

* Cấp tiểu học: Chất lượng giáo dục (*đánh giá theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT*): Hoàn thành chương trình lớp học: Hoàn thành xuất sắc đạt

tỉ lệ 21,04%; Hoàn thành tốt đạt tỉ lệ 19,89%; Hoàn thành đạt tỉ lệ 58,91%; Chưa hoàn thành tỉ lệ 0,14%. Hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100% (giữ mức).

* Cấp THCS: Chất lượng giáo dục (đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT): Kết quả rèn luyện: Tốt đạt tỉ lệ 64,26%; Khá đạt tỉ lệ 25,36%; Đạt tỉ lệ 10,38%; Chưa đạt 0%. Kết quả học tập: Tốt đạt tỉ lệ 20,62%; Khá đạt tỉ lệ 39,43%; Đạt tỉ lệ 38,9%; Chưa đạt chiếm tỉ lệ 1,05%. Tốt nghiệp THCS đạt 100%.

* Tổ chức và tham gia các hội thi đối với giáo viên

- Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Tiểu học, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp THCS và giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi: GVGD cấp tiểu học 08 người, giáo viên CNL giỏi cấp THCS: 05 người, Giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi: 03 người.

- Tham gia Hội thi Giao lưu tay nghề “Chế biến bữa ăn chuẩn dinh dưỡng mầm non” năm học 2024 - 2025 có 02 đội thi 03/03 trường tham dự, được công nhận và xếp giải cho 03/03 đơn vị trường (trong đó giải: giải Nhì 01, giải Ba 01, Khuyến khích 02).

- Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi tỉnh Sơn La lần thứ X, năm học 2025 - 2026 và đạt Danh hiệu GVDG cấp tỉnh Sơn La 02/02 người = 100%.

* Tham gia các hội thi đối với học sinh

- Cấp Tiểu học

+ Kết quả thi giao lưu Toán - Tiếng việt, cấp huyện lớp 4,5.

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	Toán	2	2	0	1	5
2	Tiếng Việt	0	4	4	2	10
Tổng		2	6	4	3	15

+ Kết quả thi Giữ vở sạch - Viết chữ đẹp, cấp huyện lớp 3,4,5.

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	Chữ đẹp	0	0	1	6	6
Tổng		0	0	1	6	6

+ Cuộc thi “Đấu trường Toán học VioEdu tỉnh Sơn La” cấp tỉnh:

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Ghi chú
1	VioEdu	0	1	2	4	7
Tổng		0	1	2	4	7

+ Cuộc thi “Trạng nguyên tiếng việt”:

TT	Cấp	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	Cấp huyện	1	11	5	7	24
2	Cấp tỉnh		1	4	9	14
Tổng		1	2	4	5	12

+ Cuộc thi “Olympic Tiếng Anh trên Intrenet”:

TT	Cấp	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	Cấp huyện	1	1	2	3	7
2	Cấp tỉnh				4	4
Tổng		1	1	2	7	11

+ Cuộc thi sáng kiến đảm bảo ATTH, phòng chống bạo lực HĐ và LĐTE:
4 tác phẩm dự thi cấp huyện, đạt 3 giải: 1 Nhì, 1 ba và 1 KK.

- Cấp THCS:

+ Kết quả thi cấp huyện lớp 9.

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	Văn			1	1	2
2	KHTN3	1	1	4	3	9
3	LS-ĐL2				5	5
4	GDCD				7	7
Tổng		1	1	5	16	23

+ Kết quả thi học sinh giỏi lớp 6,7,8

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	GDCD 6			1	1	2
2	GDCD 8			2	4	6
3	KHTN (2) 7		1			1
4	KHTN (3) 6			1	1	2
5	KHTN (3) 7			3	2	5
6	KHTN (3) 8				4	4
7	LS - Đl (2) 6		1		1	2
8	LS - Đl (2) 7			2	2	4
9	Toán 8				1	1
10	LS - Đl (2) 8				2	2
11	Ngữ văn 6				3	3
12	Ngữ văn 8			4	2	6
Tổng		0	2	13	23	38

+ Kết quả thi HSG cấp tỉnh khối 9.

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	KHTN3	0	0	0	6	6
Tổng		0	0	0	6	6

+ Kết quả thi KHKT dành cho HS trung học:

Stt	Dự án	Đạt giải	Cấp công nhận
1	Giải đa năng	KK	Cấp huyện

+ Kết quả thi “Đấu trường Toán học VioEdu tỉnh Sơn La”:

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh			1	2	
Tổng		0	0	1	2	3

+ Cuộc thi sáng kiến đảm bảo ATTH, phòng chống bạo lực HB và LĐTE: 4 tác phẩm dự thi cấp huyện, đạt 3 giải: 1 ba và 2 KK.

+ Giải điền kinh học sinh cấp huyện đạt 4 giải: 1 HCV, 3 HCD.

4. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

- Chỉ đạo các đơn vị trường tiếp tục triển khai thực Kế hoạch số 30/KH-BCĐ ngày 03/02/2025 của Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh Sơn La về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025; Kế hoạch số 03/KH-BCĐ ngày 27/9/2024 của Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập huyện Vân Hồ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024.

- Tính đến hết năm 2025, toàn xã có 03/03 (đạt 100%) trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 03/03 (đạt 100%) trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 01/03 trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và 02/3 trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (đạt 100%). Toàn xã Tô Múa đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng xếp loại Tốt (đạt 100%); Đơn vị học tập xếp loại Tốt (đạt 100%).

5. Công tác kiểm định, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Tiếp tục chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo đẩy mạnh triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn xã. Tính đến hết năm học 2025 - 2026, toàn xã có 06/07 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt 85,7% (các trường Mầm non: Chiềng Khoa, Tô Múa; các trường TH&THCS: Chiềng Khoa, Suối Bàng, Tô Múa, Trường THPT Mộc Hạ).

6. Công tác tổ chức nấu ăn bán trú

- Năm học 2025 - 2026 có 02 trường (TH&THCS Suối Bàng, TH&THCS Tô Múa) tổ chức nấu ăn bán trú trên địa bàn xã với 247 học sinh (Tiểu học 56 học sinh, THCS 191 học sinh).

- Số học sinh hưởng gạo 247 học sinh (TH&THCS Suối Bàng, TH&THCS Tô Múa); số gạo đã cấp gạo kịp thời phục vụ công tác nấu ăn bán trú và chi trả cho học sinh theo đối tượng, đúng số lượng quy định.

- Công tác tổ chức nấu ăn bán trú đã tích cực góp phần vào việc duy trì sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng sức khỏe cho học sinh, đảm bảo phát triển thể lực, thể chất, trí tuệ, phát triển năng lực tự phục vụ, ý thức tự lập cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông trong những năm qua.

7. Đội ngũ công chức, viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên

Toàn xã có 235 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc biên chế Ủy ban nhân dân xã quản lý, còn thiếu 21 người theo định mức, cụ thể: trong đó: Cấp mầm non 76 người, cấp Tiểu học 94 người, cấp THCS 64 người, trong đó số lượng giáo viên Tin học và Tiếng anh đối với cấp Tiểu học và THCS cụ thể:

- Cấp Tiểu học: Giáo viên dạy môn Tin học không có (04 giáo viên văn hóa bồi dưỡng Tin học giảng dạy); giáo viên Tiếng anh có 01 giáo viên (*Trường TH&THCS Chiềng Khoa; TH&THCS Suối Bàng không có giáo viên bộ môn Tiếng Anh*).

- Cấp THCS: Giáo viên Toán - Tin có 01 giáo viên; giáo viên Tin học có 02 giáo viên (*Trường TH&THCS Suối Bàng không có giáo viên bộ môn Tin học*); giáo viên Tiếng anh có 05 giáo viên.

- Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Triển khai tập huấn đầy đủ các Modul theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Việc triển khai tập huấn đại trà được tiến hành trên hệ thống LMS, có sự hướng dẫn và giám sát của viên chức quản lý, giáo viên cốt cán, hình thức trực tuyến. Đến hết năm học 2025 - 2026 có 100% giáo viên Tiểu học và THCS hoàn thành bồi dưỡng trực tuyến các Modul theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; 100% giáo viên Mầm non hoàn thành công tác bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của ngành.

8. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Cơ sở vật chất của các đơn vị trường không ngừng được cải thiện cơ bản đáp ứng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể theo từng cấp học như sau:

*** Cấp Mầm non**

- Khối phòng hành chính quản trị: có 02 phòng Hiệu trưởng; 04 phòng Phó Hiệu trưởng; 02 văn phòng; 02 phòng bảo vệ; 09 nhà vệ sinh giáo viên; 06 nhà để xe giáo viên.

- Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ: 77 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; 01 phòng giáo dục thể chất; 02 phòng giáo dục nghệ thuật; 02 phòng thư viện; 01 phòng Tin học; 01 phòng đa năng; 04 sân chơi riêng.

- Khối phụ trợ: 02 phòng họp; 02 phòng y tế; 05 nhà kho; 15 sân vườn.

- Khối phòng tổ chức ăn: 11 nhà bếp; 07 nhà ăn; 01 kho bếp.

*** Cấp Tiểu học**

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 03 phòng Phó Hiệu trưởng; 29 nhà vệ sinh giáo viên; 06 khu nhà để xe giáo viên.

- Khối phòng học tập: 70 phòng học; 01 phòng học bộ môn Âm nhạc, mỹ

thuật; 05 phòng Tin học; 02 phòng bộ môn Ngoại ngữ.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 02 thư viện.

- Khối phụ trợ: 03 phòng họp tổ chuyên môn; 04 khu để xe học sinh; 14 khu vệ sinh học sinh; 01 phòng giáo viên.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 06 sân chơi chung.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 01 nhà bếp; 06 nhà ở nội trú học sinh.

*** Cấp THCS**

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 03 phòng Hiệu trưởng; 03 phòng Phó Hiệu trưởng; 03 phòng bảo vệ; 03 nhà vệ sinh giáo viên; 03 khu nhà để xe giáo viên.

- Khối phòng học tập: 48 phòng học; 03 phòng học bộ môn Âm nhạc và Mỹ thuật; 03 phòng học bộ môn Công nghệ; 03 phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên; 03 phòng học bộ môn Tin học; 03 phòng học bộ môn Ngoại ngữ.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 03 phòng thư viện; 02 phòng thiết bị giáo dục; 01 phòng truyền thông; 02 phòng Đoàn, Đội.

- Khối phụ trợ: 03 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường; 01 phòng các tổ chuyên môn; 03 phòng y tế trường học; 01 nhà kho; 02 khu để xe học sinh; 02 khu vệ sinh học sinh.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 03 sân chơi chung; 01 sân thể dục thể thao.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 03 nhà bếp; 01 kho bếp, 03 nhà ăn; 10 phòng ở nội trú học sinh

- Về thiết bị tối thiểu: cấp mầm non đạt 50,5%; cấp tiểu học đạt 30%; cấp THCS đạt 54,25%

- Cơ sở vật chất, thiết bị ở các cấp học được đầu tư mua sắm hằng năm, tuy chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt là triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; nhiều đơn vị trường chưa có đủ các phòng chức năng, phòng học bộ môn, phòng ở cho học sinh bán trú, phòng công vụ giáo viên, công trình vệ sinh, nước sinh hoạt, trang thiết bị thư viện, thí nghiệm dùng chung phục vụ dạy và học còn thiếu so với nhu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.

9. Công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; tình trạng học sinh bỏ học

a) Công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

- Chỉ đạo Ngành giáo dục tập trung quan tâm đến công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, giúp các em được đến trường học tập, được giáo dục kỹ năng sống từng bước xóa bỏ đi mặc cảm, tự tin hòa nhập cộng đồng. Trong quá trình học tập học sinh được miễn giảm một số môn học hoặc giảm nhẹ yêu cầu môn học, hoạt động giáo dục do tình trạng khuyết tật gây nên; được bố trí chỗ ngồi thuận lợi cho việc học, tiếp thu bài giảng, giúp các em tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cùng các bạn.

- Các đơn vị trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tư vấn, hỗ trợ cha mẹ và học sinh khuyết tật các vấn đề liên quan trong hoạt động hàng

ngày và quá trình học tập. Cùng với các hoạt động giáo dục trong chương trình chung, nhiều trường còn tổ chức đa dạng các loại hình cho học sinh khuyết tật trong học tập và sinh hoạt tập thể giúp các em sớm hòa nhập cộng đồng.

b) Tình trạng học sinh bỏ học: Tình trạng bỏ học vẫn còn diễn ra ở các cấp học Tiểu học và THCS. Tính đến hết năm học 2024 - 2025: có 17 học sinh bỏ học (*Tiểu học: 01, THCS: 16*)¹.

10. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy, học và quản lý giáo dục; giáo dục STEM/STEAM) Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Toàn xã có 07 trường sử dụng hệ thống Quản lý văn bản VNPT iOffice 4.0 trong quản lý và chỉ đạo hiệu quả; trên 97% văn bản của ngành giáo dục và đào tạo được ký số; trên 95% cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và tương đương; 100% trường được cấp và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong giao dịch điện tử, hồ sơ điện tử.

- Ngành giáo dục và đào tạo đã triển khai có hiệu quả các phần mềm trong quản lý và dạy học như: Phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên; phần mềm quản lý thiết bị trường học; cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (*quản lý lớp học; quản lý học sinh*); phần mềm kế toán, quản lý tài sản; phổ cập giáo dục; phần mềm quản lý chất lượng, trường đạt chuẩn quốc gia; phần mềm quản lý giáo dục người khuyết tật. Triển khai sử dụng công nghệ thông tin điện tử ngành giáo dục và đào tạo để đăng tải các văn bản chỉ đạo, các tin tức sự kiện ngành.

b) Giáo dục STEM/STEAM: Tiếp tục triển khai giáo dục STEM/STEAM phù hợp với tình hình đội ngũ, cơ sở vật chất, và tình hình thực tế của địa phương, các đơn vị trường theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*”; chỉ đạo 100% các đơn vị trường xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn cấp trường mô hình giáo dục STEM và triển khai dạy đại trà trong năm học có hiệu quả, xây dựng các chủ đề dạy học, bài học học tích hợp liên môn, hoạt động trải nghiệm sáng tạo có liên quan đến các môn học STEM/STEAM.

11. Công tác giáo dục dân tộc, các hoạt động ngoài giờ lên lớp

a) Công tác giáo dục dân tộc: Thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục và phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số; chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ giáo viên và học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số*” trên địa bàn huyện trong những năm học vừa qua.

b) Các hoạt động trải nghiệm; giáo dục hướng nghiệp: Chỉ đạo các đơn vị trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục trải nghiệm giáo

¹ TH&THCS Chiềng Khoa: 07 học sinh, TH&THCS Suối Bàng: 01 học sinh, TH&THCS Tô Múa: 09 học sinh

dục hướng nghiệp trong các tài liệu về giáo dục kỹ năng sống, bổ sung những nội dung phù hợp với tình hình địa phương như: kỹ năng phòng chống đuối nước, ứng phó với thiên tai, kỹ năng phòng tránh tệ nạn xã hội. 100% các đơn vị trường đã vận dụng linh hoạt lồng ghép vào chương trình giảng dạy chính khóa và hoạt động ngoại khóa với hình thức đa dạng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh: tham quan, dã ngoại, sân khấu hóa, hội thi...

12. Công tác xã hội hóa giáo dục: Tích cực trong thực hiện xã hội hóa giáo dục, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện đầu tư tài trợ xây CSVC trường lớp, trang bị thiết bị dạy học, dụng cụ phục vụ công tác nấu ăn bán trú, thiết bị nhà ở nội trú học sinh bán trú...; việc vận động, tài trợ được các cơ sở giáo dục thực hiện đúng theo Thông tư 16/2018/TT-BGD&ĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Năm học 2025 - 2026 có 06/6 trường xây dựng kế hoạch vận động, tài trợ (*trong đó bậc MN 03 trường, TH&THCS có 03 trường*). Nội dung vận động, tài trợ xây dựng phòng học, thư viện, máy vi tính, đồ chơi ngoài trời, cải tạo môi trường sân vườn xanh, sạch, đẹp...

13. Việc thực hiện chế độ chính sách: Năm học 2025 - 2026 thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và kết quả nổi bật

- Chỉ đạo ngành Giáo dục tổ chức quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh, Huyện về quy định thời gian, biên chế năm học 2024 - 2025, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong ngành giáo dục và xã hội, sự đồng thuận của nhân dân nhằm tập trung đẩy mạnh, phát triển giáo dục lĩnh vực giáo dục hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao: Quy mô mạng lưới, trường lớp được sắp xếp củng cố và phát triển; cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm đầu tư, sửa chữa bổ sung, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; Chương trình Giáo dục mầm non sau sửa đổi bổ sung, được triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện; công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá đi vào ổn định.

- Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo được quan tâm đúng mức; cơ sở vật chất, trang thiết bị, sách giáo khoa cơ bản đáp ứng mức tối thiểu theo quy định.

- Việc tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá đúng theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp linh hoạt, đa dạng phong phú thu hút học sinh tham gia học tập. Tổ chức thành công các hội thi giáo viên và học sinh trong năm học theo kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục duy trì, củng cố công tác phổ cập giáo dục, có 03 trường đạt

chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 03/3 trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 02 trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và 01 trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3; xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Toàn xã Tô Múa đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; xóa mù chữ mức độ 2.

2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Chất lượng giáo dục ở một số trường không đồng đều, thiếu sự ổn định, đặc biệt các trường vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó vẫn còn tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học gián đoạn ở một số đơn vị trường.

- Một số cán bộ viên chức quản lý chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm chủ động trong quản trị trường học, chỉ đạo điều hành chuyên môn nghiệp vụ, chưa coi trọng việc lập kế hoạch giáo dục, kế hoạch triển khai nhiệm vụ, chưa có nhiều giải pháp đổi mới trong quản lý và điều hành.

- Về cơ sở vật chất trường, lớp học, trang thiết bị dạy học chưa được đầu tư thỏa đáng thiếu tính đồng bộ theo yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018. Đội ngũ giáo viên còn thiếu, đặc biệt là giáo viên bộ môn Tiếng Anh, Tin học...

3. Nguyên nhân của thành tựu, hạn chế

a) Nguyên nhân của thành tựu: Có được kết quả nêu trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo sâu sắc toàn diện của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và sự nỗ lực, quyết tâm cao của đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh toàn ngành giáo dục. Các chế độ chính sách ưu đãi, hỗ trợ giáo viên và học sinh đã góp phần vào việc nâng cao giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non và học sinh phổ thông, đảm bảo duy trì sĩ số, duy động học sinh ra lớp ổn định.

b) Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Năng lực của người đứng đầu một số đơn vị trường còn có mặt hạn chế trong công tác phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên còn hạn chế, lúng túng trong việc sử dụng các phần mềm hiệu quả chưa cao.

+ Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một số giáo viên chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; ý thức tự học, tự bồi dưỡng chưa cao dẫn đến hạn chế.

+ Một bộ phận học sinh ý thức học tập chưa cao, thiếu sự quan tâm của gia đình (*nhều phụ huynh đi làm ăn xa, một số phụ huynh phó mặc việc giáo dục con em cho các nhà trường*), chưa tích cực tham gia học tập và rèn luyện, chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của trẻ, dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học, học gián đoạn xảy ra cấp THCS. Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa gắn kết.

+ Kinh phí đầu tư cho sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp học, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy và học còn hạn chế so với yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Xã Tô Múa có địa bàn phân bố dân cư rộng không tập trung, giao thông cách trở. Nền kinh tế có chuyển biến tích cực, tuy nhiên hộ nghèo, hộ nghèo đa chiều còn chiếm tỉ lệ cao; kinh phí đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn hạn chế so với yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

+ Nhận thức của bộ phận nhân dân về giáo dục giữa các vùng trong xã không đồng đều, phụ huynh tại các xã vùng sâu, vùng xa khó khăn còn phó mặc cho các cơ sở giáo dục, nhiều phụ huynh của học sinh cấp THCS chưa quan tâm đến việc phối hợp tuyên truyền vận động học sinh ra lớp, còn để con em tham gia đi lao động sớm dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học gián đoạn.

+ Một số môn chuyên ngành khi thông báo tuyển dụng, không có hồ sơ nộp tham gia dự tuyển chuyên ngành môn Tiếng Anh, môn Tin học, dẫn đến tình trạng còn thiếu giáo viên giảng dạy bộ môn Tiếng Anh, Tin học cơ học so với quy định trong thời gian qua.

+ Việc thiếu giáo viên giảng dạy có những khó khăn nhất định đến bố trí phân công giáo viên giảng dạy và ảnh hưởng công tác nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục tại các đơn vị trường.

Phần thứ hai

ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học theo hướng toàn diện, đa dạng hóa các loại hình giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, công tác khuyến học, khuyến tài. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị Quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Ban chấp hành Trung ương ban hành Nghị Quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo; Nghị quyết số 51/2017/QH14, ngày 21/11/2017 của Quốc hội khóa XIV đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới 2018; Nghị quyết Đại hội đảng bộ xã Tô Múa và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh,

dân chủ. Thực hiện tốt các chính sách cho giáo viên, học sinh vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách; chú trọng xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của tỉnh và xã hội hóa đầu tư cho giáo dục; tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, viên chức quản lý.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống, nhân cách. Nâng cao chất lượng và trình độ giáo dục đào tạo theo hướng đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; tăng cường dạy Tiếng Anh, Tin học. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 từ lớp 1 đến lớp 9; tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 9 các môn học bắt buộc theo Chương trình GDPT mới.

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho dạy và học theo yêu cầu giáo dục và đào tạo giai đoạn hiện nay. Đặc biệt quan tâm đến cơ sở vật chất của các đơn vị trường xây dựng trường chuẩn quốc gia, nâng dần tỷ lệ phòng học kiên cố.

2. Chỉ tiêu

- Mạng lưới trường lớp: Tiếp tục duy trì, củng cố mạng lưới trường, lớp trên địa bàn xã với có 06 trường: cấp Mầm non 03 trường (*03 điểm chính và 12 điểm trường lẻ*); cấp TH&THCS 04 trường (*03 điểm chính và 14 điểm trường lẻ*)

- Quy mô lớp, học sinh, tỷ lệ huy động: Tổng số 132 lớp với 3.024 học sinh; trong đó:

+ Cấp Mầm non: 43 nhóm/lớp với 781 trẻ.

+ Cấp Tiểu học: 64 lớp với 1.270 học sinh.

+ Cấp THCS: 25 lớp với 973 học sinh.

- Tỷ lệ huy động trẻ từ 0-36 tháng tuổi ra lớp đạt 36,5%, trong đó trẻ từ 1-2 tuổi ra lớp đạt 52%; trẻ 3-5 tuổi ra lớp đạt 99,2%; trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; trẻ hoàn thành chương trình mầm non 5 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100%; học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục đi học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt khoảng 80%.

3. Chất lượng giáo dục

*** Cấp mầm non**

- Chất lượng nuôi dưỡng: Nhà trẻ: suy dinh dưỡng nhẹ cân 4,2%; suy dinh dưỡng thấp còi 4,5%. Mẫu giáo: suy dinh dưỡng nhẹ cân 4,5%; suy dinh dưỡng chiều cao 4,8%.

- Chất lượng giáo dục:

+ Nhà trẻ: phát triển thể chất 97,8%; phát triển nhận thức 97,6%; phát triển ngôn ngữ 97,6%; phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ 97,8%.

+ Mẫu giáo: phát triển thể chất 97,8%; phát triển nhận thức 97,6%; phát triển ngôn ngữ 97,8%; phát triển tình cảm xã hội 97,6%; phát triển thẩm mỹ 97,8%.

*** Cấp tiểu học:**

Tổ chức cho 100% học sinh dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt trước khi vào lớp 1; 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học Tiếng Anh, Tin học; tỷ lệ 100% lớp tổ chức dạy học 2 buổi trên ngày. Đánh giá chất lượng giáo dục các môn học xếp loại hoàn thành trở lên từ 99,9%; đánh giá chất lượng rèn luyện các mặt năng lực, phẩm chất xếp loại đạt trở lên 99,9%; hoàn thành chương trình lớp học (*tính đến thời điểm sau rèn trong hè*) đạt 99,9% trở lên (*trong đó Xuất sắc đạt trở lên 21%*). Hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%.

*** Cấp THCS:**

Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chung

- Tiếp tục duy trì, củng cố mạng lưới trường lớp để tăng tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh đến trường; nâng cao chất lượng dạy và học; thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học; triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018; thực hiện tốt chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh.

- Nâng mức độ đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở; không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tuyển dụng đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học các cấp để triển khai hiệu quả môn Tiếng Anh, Tin học ở các cấp học theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ và tin học trong các trường học.

- Phối hợp ngành y tế tổ chức tiêm chủng cho học sinh trong độ tuổi và công tác phòng chống dịch bệnh.

- Chú trọng xã hội hóa, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và các nguồn xã hội hóa đầu tư cho giáo dục.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Cấp mầm non

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập trẻ 5 tuổi, 100% trẻ 5 tuổi ra lớp được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, đảm bảo trẻ mầm non 5 tuổi có các kỹ năng ngồi, cầm bút, nhận biết 10 chữ số, 29 chữ cái trong bảng tiếng Việt trước khi bước vào học tiểu học; có giải pháp nâng cao chất lượng để đạt chỉ tiêu về kết quả khảo sát chất lượng giáo dục đối với trẻ mầm non vào lớp 1.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; triển khai thí điểm mô hình làm quen với tiếng Anh cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các trường mầm non đủ điều kiện.

b) Cấp tiểu học

- Huy động tối đa trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Huy động tối đa học sinh các khối lớp 3,4,5 tại các điểm trường lẻ về học, ở bán trú tại trường để nâng cao chất lượng; duy trì công tác nấu ăn bán trú tại các đơn vị trường, tổ chức làm nhà ở bán trú cho học sinh.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tổ chức dạy đầy đủ các môn học bắt buộc theo quy định; quan tâm tổ chức dạy các môn học tự chọn (*tiếng DTTS...*). Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, đội ngũ cho việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (*bắt buộc*) theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Thực hiện tốt chương trình tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS; tổ chức dạy đảm bảo 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học Tiếng anh, Tin học, theo Chương trình phổ thông năm 2018; tăng cường giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm; tổ chức các câu lạc bộ văn hóa, thể thao, các sân chơi...

- Đổi mới công tác đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo công bằng, khách quan, tránh bệnh thành tích; giải pháp cam kết chất lượng đầu năm học; thực hiện hiệu quả công tác nghiệm thu, bàn giao chất lượng cuối năm giữa các khối lớp trong cấp học và học sinh lớp 5 với cấp THCS; tổ chức khảo sát chất lượng đầu năm đối trẻ 5 tuổi với lớp 1 và học sinh lớp 5 vào lớp 6 theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo; nâng tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Anh theo hình thức lớp học ảo. Đầu tư cơ sở vật chất, ưu tiên xây dựng mới, bổ sung thiết bị phòng học môn Tin học; hoàn thiện các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho các đơn vị trường trong lộ trình. Giữ vững, duy trì, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục tiểu học.

c) Cấp THCS

Huy động tối đa học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 và huy động học sinh bỏ học trở lại lớp. củng cố, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Thực hiện công tác định hướng phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS vào học các trường THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và học nghề. Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, biên chế giáo viên, tăng cường tổ chức dạy 02 buổi/ngày các trường có điều kiện về giáo viên; bồi dưỡng, tập huấn cho viên chức quản lý, giáo viên để triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Triển khai tích hợp giáo dục STEM vào một số môn học ở các đơn vị trường. Đầu tư cơ sở vật chất, hoàn thiện các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức rà soát công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho các đơn vị trường trong lộ trình; tổ chức thi giáo viên dạy cấp trường, xã

năm học 2025 - 2026.

3. Đội ngũ nhà giáo và viên chức quản lý: Tiếp tục tham mưu, tổ chức tuyển dụng giáo viên các cấp học, nhất là giáo viên Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các đơn vị trường học. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và viên chức quản lý theo kế hoạch chung của Sở GDĐT, của UBND tỉnh. Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng viên chức quản lý, giáo viên theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục. Rà soát, sắp xếp, điều động, luân chuyển đội ngũ viên chức quản lý, giáo viên trên địa bàn hợp lý, quy định về định mức số lượng giáo viên từng bậc học, cấp học và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô trường, lớp.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025. Rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị trường trong năm 2024, năm 2025. Lồng ghép sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, và các nguồn vốn khác...

- Tập trung xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học đáp ứng nhiệm vụ năm học; mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học cho các đơn vị trường đáp ứng việc dạy và học.

5. Công tác phổ cập giáo dục: Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trường triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được; tổ chức kiểm tra, công nhận định kỳ cho 07 cơ sở giáo dục trên địa bàn xã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ; huy động 100% trẻ bỏ học ra lớp ở các cấp học.

6. Công tác kiểm định và xây dựng trường chuẩn Quốc gia

Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia. Rà soát, hoàn thiện các hạng mục công trình đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và dạy học; bổ sung nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để đầu tư cho giáo dục.

Chỉ đạo các đơn vị trường kiểm tra, tiến hành rà soát các điều kiện cần thiết, hoàn thiện các công trình đầu tư xây dựng thiết yếu và lập hồ sơ đề nghị công nhận kiểm định chất lượng và trường chuẩn đạt quốc gia năm 2025 và năm 2026, lập hồ sơ đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 với 2 trường (*Mầm non Tô Múa, TH&THCS Tô Múa*); lập hồ sơ

đề nghị nâng mức kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 với trường Mầm non Chiềng Khoa.

Đối với các đơn vị đã được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ I, có kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí tiêu chuẩn để đạt kiểm định chất lượng ở mức độ cao hơn.

7. Công tác tổ chức nấu ăn bán trú: Duy trì, phát huy hiệu quả công tác bán trú tại 03 trường mầm non và 02 trường TH-THCS có học sinh bán trú. Triển khai thực hiện tốt việc tiếp nhận và cấp phát gạo; thực hiện tốt chế độ chính sách cho học sinh bán trú. Tăng cường tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp bán trú, quản lý học sinh bán trú, làm nhà ở, bếp ăn, vườn rau xanh cho học sinh bán trú nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển thể chất, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

8. Công tác chuyển đổi số: Thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, nhân lực và các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ AI trong giáo dục và đào tạo, từng bước đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành. Triển khai hệ thống quản lý nhà trường (bao gồm các chức năng: sổ liên lạc điện tử; quản lý giáo viên; quản lý lớp học; quản lý học sinh; quản lý học tập; quản lý sổ điểm; quản lý học bạ; tổng kết học tập; hồ sơ điện tử - chữ ký số; tuyển sinh đầu cấp, thu học phí không dùng tiền mặt...); Triển khai các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến (lớp học ảo) như: Elearning, Microsoft Teams, Zoom Meeting, Google Classroom, Google Meet, K12-Online... Cung cấp các dữ liệu cần thiết theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh Sơn La.

9. Công tác kiểm tra

Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trường trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; công tác quản lý tổ chức nấu ăn bán trú; công tác thu chi ngoài ngân sách và công tác quản lý tài chính tại các đơn vị trường.

Đề cao công tác tự kiểm tra tại các đơn vị trường học.

10. Công tác cải cách hành chính: Tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ, toàn diện Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 01/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công; làm tốt công tác truyền truyền công tác cải cách hành chính; nâng cao chỉ số cải cách hành, chỉ số hài lòng của người dân; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số. Duy trì 31 thủ tục thuộc lĩnh vực giáo dục, trong đó 09 thủ tục dịch vụ mức độ 4.

11. Công tác thi đua: Triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về thi đua - khen thưởng. Triển khai thực hiện tốt Kế

hoạch số 1374/KH-BGDDĐT ngày 02/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập*” ngành Giáo dục giai đoạn 2020-2025; phong trào thi đua “*Toàn Ngành Giáo dục và Đào tạo đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mục tiêu đổi mới và chuyển đổi số để củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, chỉ tiêu năm học*”; phòng trào xây dựng “*trường học xanh, sạch, đẹp, văn minh, an toàn*”; phong trào thi đua “*Dạy tốt, học tốt*”; phong trào thi đua “*Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện văn hóa công sở*”.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền; tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục và đào tạo

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với giáo dục và đào tạo. Xây dựng và củng cố tổ chức đảng, các đoàn thể trong nhà trường ngày càng vững mạnh. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước về giáo dục; tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của các cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân.

- Tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo; chú trọng tuyên truyền về xã hội hoá giáo dục để các cấp, các ngành và nhân dân có nhận thức đúng, đầy đủ về chủ trương xã hội hoá giáo dục. Xem xét trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ sở đối với công tác giáo dục và đào tạo để xảy ra tình trạng học sinh bỏ học, tảo hôn trên địa bàn.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính trong giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục triển khai các phần mềm, ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ AI trong giáo dục. Tạo điều kiện thuận lợi để phụ huynh, học sinh, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến; tăng cường trải nghiệm tiện ích cho phụ huynh, học sinh và viên chức quản lý, giáo viên, người lao động. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ chuyển đổi số. Triển khai “Hệ thống quản lý nhà trường” trên cơ sở đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh; hệ thống thông tin báo cáo trong ngành giáo dục, tích hợp và khai thác sử dụng dữ liệu tại Trung tâm điều hành giáo dục thông minh.

- Phát triển cơ sở hạ tầng, mạng Internet; đảm bảo 100% trường học kết nối internet cáp quang tốc độ cao đảm bảo kết nối liên tục và ổn định; đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh. Tăng cường chuyển đổi số trong quản trị, quản lý ngành và các cơ sở giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của ngành, kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục đến Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo với cơ sở dữ liệu của tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở dữ liệu quốc gia; phấn đấu tất cả các cơ sở giáo dục triển khai các mô hình quản lý nhà trường tiên tiến

trên nền tảng số hiệu quả.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện danh mục thủ tục hành chính và triển khai thực hiện; hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Ngành và các văn bản liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với thực tiễn. Nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, rà soát các quy trình, quy chế làm việc, phân công, phân cấp, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và phối hợp trong xử lý công việc. Tổ chức triển khai thực hiện ISO 9001:2015 và ISO 2001:2018 trong điều hành và quản lý của ngành.

- Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Cử viên chức quản lý, giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn các chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, chuyển đổi số cho viên chức quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên các cấp học; tiếp cận, trang bị kiến thức công nghệ 4.0 cho giáo viên, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong tổ chức và đổi mới phương pháp quản lý, dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 và định hướng giáo viên, học sinh trung học cơ sở nghiên cứu về công nghệ 4.0.

3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của viên chức quản lý giáo dục

- Triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên viên chức quản lý giáo dục các cấp học năm học 2025 - 2026.

- Hướng dẫn đánh giá, phân loại, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý giáo dục theo tiêu chuẩn chức danh; thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đạo đức lối sống đối với viên chức quản lý giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng biên chế, sắp xếp, bố trí đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bảo đảm quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục, quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quản lý, giáo viên đối với các cấp học. Đảm bảo từng bước có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, dạy học 2 buổi/ngày, giáo viên dạy ngoại ngữ, tin học - công nghệ, nghệ thuật và hoạt động trải nghiệm.

- Tham mưu với cấp có thẩm quyền có cơ chế chính sách thu hút giáo viên Tiếng anh nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tiếng anh.

4. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

- Rà soát, đánh giá việc sử dụng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo; phân bổ, quản lý sử dụng kinh phí chi thường xuyên năm 2025 bảo đảm hiệu quả, bố trí hợp lý cho chi đầu tư phát triển góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo

dục theo đúng quy định của pháp luật, trong đó các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện phải bảo đảm đúng tính chất tự nguyện của cá nhân, tổ chức tài trợ, đóng góp.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực giáo dục; gắn kết quả thanh tra, kiểm tra với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân. Tuyên dương, khen thưởng những đơn vị, cá nhân làm tốt; kịp thời xử lý hoặc đề xuất biện pháp xử lý đối với tập thể, cá nhân có liên quan để xảy ra khuyết điểm, hạn chế trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

- Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tăng cường công tác thống kê, theo dõi tiếp cận, chất lượng và hiệu quả giáo dục; thực hiện định kỳ đánh giá về chất lượng học tập của học sinh tiểu học, trung học cơ sở nhằm xác định mặt bằng chất lượng và làm căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã sau sáp nhập.

- Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học.

6. Cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục thực chất, bền vững

- Chỉ đạo thực hiện có chất lượng nội dung chương trình giáo dục mầm non, chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, yêu cầu phát triển thể lực và hình thành nhân cách; triển khai hiệu quả chương trình bồi dưỡng, hướng dẫn phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn xã theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tích hợp các chủ đề về giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, công dân toàn cầu, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp trong trường phổ thông; đẩy mạnh giáo dục theo hướng giáo dục tích hợp Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán (STEM, STEAM); tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, giúp học sinh hình thành, phát triển nhân cách, kỹ năng sống, phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân và gia đình học sinh.

- Tập trung nâng cao chất lượng đội tuyển học sinh giỏi các cấp thông qua việc phát hiện, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi các khối lớp ngay từ đầu năm học, tổ chức bồi dưỡng, dự thi các cấp. Duy trì nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục.

7. Thực hiện tốt công tác tổ chức nấu ăn bán trú

Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trường có tổ chức nấu ăn bán trú tu sửa cơ sở vật chất; tuyên truyền đầy đủ, rộng rãi tới bà con nhân dân, các bậc phụ huynh các quy định, văn bản hướng dẫn của các cấp về công tác nấu ăn bán trú. Làm tốt công tác quản lý, tổ chức nấu ăn bán trú trong các đơn vị trường; xây dựng mô hình bếp ăn an toàn thực phẩm, thường xuyên làm tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày, bảo đảm giữ bếp ăn luôn sạch sẽ; bố trí bếp nấu, khu vực chế biến khoa học.

Phần thứ ba
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GD&ĐT
NĂM HỌC 2026 - 2027

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Triển khai thực hiện chương trình hành động đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo phát huy ưu, khắc phục hạn chế của năm học 2024 - 2025, ước thực hiện năm học 2025 - 2026 định hướng kế hoạch năm học 2026 - 2027 nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực" tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và HS trong toàn ngành.

Chú trọng và tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, truyền thống văn hóa, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho người học; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an ninh, trật tự trong trường học; giáo dục an toàn giao thông; phòng chống bạo lực, tệ nạn xã hội, tai nạn thương tích, dịch bệnh đối với HS.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và HS. Tổ chức triển khai có hiệu quả các giải pháp tăng cường tiếng Việt, dạy và học tiếng dân tộc thiểu số ở các cơ sở giáo dục MN, phổ thông. Quan tâm đặc biệt đối với HS các dân tộc rất ít người, thực hiện tốt công tác giáo dục dân tộc.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và công tác quản lý giáo dục.

Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra giáo dục. Thực hiện tốt việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và HS trong toàn ngành.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý tài chính, tăng cường giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị trường học. Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đội ngũ; đánh giá cán bộ quản lý, GV theo quy định của Bộ GD&ĐT và các cấp có thẩm quyền.

Rà soát các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia của tất cả các đơn vị trường học trong huyện. Chỉ đạo Phòng GD&ĐT tham mưu Ban Chỉ đạo xây dựng trường chuẩn Quốc gia huyện ban hành kế hoạch xây dựng trường chuẩn

giai đoạn 2026 - 2030. Ngoài ra, tổ chức rà soát và đề nghị công nhận lại đối với trường Mầm non Tô Múa, công nhận mới với trường TH&THCS Tô Múa.

Chỉ đạo UBND các xã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trẻ em đến trường, đến lớp, duy trì sĩ số HS, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và các lớp tại bản. Chuẩn bị mặt bằng và các điều kiện tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hoá trường lớp học, xây dựng nhà công vụ cho GV, nhà bán trú cho HS và các dự án khác đầu tư cho giáo dục trên địa bàn.

II. NỘI DUNG

1. Quy mô trường, lớp, chất lượng giáo dục

Năm học 2026 - 2027, toàn có 07 đơn vị giáo dục gồm: 03 trường MN, 03 trường TH&THCS, 01 trường THPT (*trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo*). Có 29 điểm trường lẻ (*15 điểm trường MN; 14 điểm trường TH*).

1.1. Giáo dục MN

Tổng số có 43 lớp/ nhóm trẻ, với 800 học sinh (*tăng 19 học sinh so với năm học 2025 - 2026*).

Tiếp tục củng cố mạng lưới trường lớp hiện có; khuyến khích tổ chức, cá nhân mở các nhóm trẻ, các lớp, trường MN tư thục; vận động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, ưu tiên mở các lớp mẫu giáo 5 tuổi và mẫu giáo 3-4 tuổi ở tất cả các đơn vị trường học, để đảm bảo hoàn thành kế hoạch phổ cập MN cho trẻ 5 tuổi, chuẩn bị các điều kiện về sức khỏe và kiến thức, tăng cường tiếng việt cho HS trước khi vào lớp 1.

Toàn xã có tổng số 03 trường MN với 43 nhóm, lớp với 800 trẻ (*tăng 19 học sinh so với năm học 2025 - 2026*), trong đó:

- Nhà trẻ: Huy động trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi: 239 cháu đạt 67,3% .
- Mẫu giáo: Huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi 561 trẻ đạt 100%.
- Huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp.

Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên đề nhằm đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; phối hợp với các đơn vị tổ chức có liên quan thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, quản lý tiêm chủng, vệ sinh răng miệng, theo dõi sức khỏe cho HS; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, các trò chơi dân gian, các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, nhằm phát huy vai trò chủ động, tích cực phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi; tiếp tục sưu tầm các trò chơi dân gian, bài hát dân ca, điệu múa truyền thống, câu đố, hò, vè... phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ.

Tăng cường đầu tư đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị giáo dục tối thiểu phục vụ triển khai mở rộng việc thực hiện chương trình giáo dục MN mới.

Trong năm học 2026 - 2027, phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Tiếp tục duy trì 100% các trường MN có tổ chức nấu ăn bán trú cho trẻ tại điểm trường trung tâm.

100% HS được ăn trưa tại lớp ở các điểm trường lẻ bằng hình thức nấu ăn bán trú và phụ huynh mang cơm.

100% trẻ học tại các trường MN được đảm bảo an toàn, trong năm học không có trường hợp nào xảy ra ngộ độc thực phẩm hoặc tai nạn thương tích.

Chuyên cần là 791/800 trẻ = 98,9%.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tại lớp.

100% trẻ được theo dõi trên biểu đồ phát triển trẻ em.

Chỉ số phát triển chiều cao của trẻ:

- Nhà trẻ: Phát triển bình thường: 225/239 trẻ, đạt 94,1% trở lên.
- Mẫu giáo: Phát triển bình thường: 544/561 trẻ, đạt 97% trở lên.

Chỉ số phát triển cân nặng của trẻ:

- Nhà trẻ: Phát triển bình thường: 225/239 trẻ, đạt 94,1% trở lên.
- Mẫu giáo: Phát triển bình thường: 542/561 trẻ, đạt 96,6% trở lên.

Kết quả đánh giá chất lượng phát triển theo các lĩnh vực của trẻ như sau:

- Nhà trẻ:

Lĩnh vực phát triển thể chất: 231/239 trẻ, đạt 96,65% trở lên;

Lĩnh vực phát triển nhận thức: 231/239 trẻ, đạt 96,65% trở lên;

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 231/239 trẻ, đạt 96,65% trở lên;

Lĩnh vực phát triển tình cảm và QHXX: 231/239 trẻ, đạt 96,65% trở lên.

- Mẫu giáo

Lĩnh vực phát triển thể chất: 542/561 trẻ, đạt 96,6% trở lên;

Lĩnh vực phát triển nhận thức: 538/561 trẻ, đạt 95,9% trở lên;

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 538/561 trẻ, đạt 95,9% trở lên;

Lĩnh vực phát triển tình cảm và QHXX: 542/561 trẻ, đạt 96,6% trở lên;

Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 542/561 trẻ, đạt 96,6% trở lên.

1.2. Giáo dục phổ thông

Toàn xã có 03 trường có cấp TH&THCS, với 145 lớp = 3.334 học sinh (*Tiểu học: 64 lớp, với 1.245 học sinh; THCS: 27 lớp, với 1.050 học sinh*).

a) Cấp TH:

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp 1 và huy động tối đa số HS bỏ học ra lớp.
- Tỷ lệ HS đi học đúng độ tuổi: 98,5%.

- 03/03 trường có cấp TH tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.
- Chỉ tiêu chất lượng giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục dự kiến:
- Khối 1:
 - + Hoàn thành xuất sắc: 16,5%;
 - + Hoàn thành tốt: 22,7%.
 - + Hoàn thành: 56,5%.
 - + Chưa hoàn thành: 4,3%.
- Khối 2:
 - + Hoàn thành xuất sắc: 15,8%.
 - + Hoàn thành tốt: 22,4%.
 - + Hoàn thành: 59,68%.
 - + Chưa hoàn thành: 2,1%.
- Khối 3:
 - + Hoàn thành xuất sắc: 16,7%.
 - + Hoàn thành tốt: 21,1%.
 - + Hoàn thành: 61,7%.
 - + Chưa hoàn thành: 0,5%.
- Khối 4:
 - + Hoàn thành xuất sắc: 15,7%.
 - + Hoàn thành tốt: 19,8%.
 - + Hoàn thành: 64,1%.
 - + Chưa hoàn thành: 0,4%.
- Khối 5:
 - + Hoàn thành xuất sắc: 13,9%.
 - + Hoàn thành tốt: 19,2%.
 - + Hoàn thành: 66,9%.
 - + Chưa hoàn thành: 0%.
- Đánh giá HS hoàn thành chương trình TH đối với HS lớp 5 đạt 100%.
- Tỷ lệ HS chuyển lớp đạt: 98%.
- Tỷ lệ HS bỏ học chiếm 0,02%.
- b) Cấp THCS
 - Tỷ lệ HS 11-14 tuổi đi học đạt 97%.

- Tỷ lệ huy động HS hoàn thành chương trình TH vào lớp 6 đạt 99 %.
- Kết quả rèn luyện:

Khối	Tổng số HS đánh giá	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
6	285	223	78.2	50	17.5	12	4		
7	242	189	78.1	43	17.8	10	4		
8	270	224	83.0	35	13.0	11	4		
9	250	204	81.6	35	14.0	11	4		
Tổng	1047	840	80.2	163	15.6	44	4	0	0

- Kết quả học tập

Khối	Tổng số HS đánh giá	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
6	285	16	5.6	70	24.6	187	65.6	12	4
7	242	15	6.2	62	25.6	156	64.5	9	4
8	270	14	5.2	92	34.1	155	57.4	9	3
9	250	15	6.0	79	31.6	146	58.4	10	4
Tổng	1047	60	5.7	303	28.9	644	61.5	40	4

- + Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%; lên lớp đạt 98 %.

- + Tỷ lệ HS bỏ học 1%.

- Căn cứ số HS đang học lớp 9 thuộc địa bàn tuyển sinh nhà trường thực hiện tốt việc tuyên truyền vận động HS đã tốt nghiệp THCS đăng ký dự tuyển vào lớp 10, dự kiến tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 đạt 95,9% (*trong đó: THPT: 81,1%; GDTX THPT: 10,2%; Giáo dục nghề nghiệp: 4,5%*).

Tiếp tục thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng giảm tải, tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông; phối hợp tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông nhằm giảm áp lực đối với HS, phụ huynh, khắc phục những bất cập trong công tác tổ chức thi tốt nghiệp THPT quốc gia; triển khai các quy trình tự đánh giá, kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục.

Tăng cường các biện pháp quản lý, tuyên truyền giáo dục cán bộ, GV, HS; tích cực, chủ động trong dạy và học, nghiêm túc trong kiểm tra, đánh giá để phản ánh đúng chất lượng dạy và học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy học.

2. Công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường phân cấp quản lý, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành và địa phương theo quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ- CP

ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong quản lý giáo dục.

- Thực hiện cải cách hành chính; nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên; Chỉ đạo cơ quan liên quan tập trung vốn đầu tư cho những công trình đang xây dựng để hoàn thành đưa vào sử dụng. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm tra đối với các hoạt động giáo dục và quản lý của các đơn vị trường học, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại của tổ chức, công dân.

- Triển khai đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục

Chỉ đạo các phòng, ban liên quan tham mưu, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, bổ sung GV và nhân viên đảm bảo tính kế thừa, hợp lý, cụ thể:

- Cấp MN: Cần theo định mức 09 CBQL, 70 GV, 03 nhân viên.
- Cấp TH: Cần theo định mức 4 CBQL, 96 GV, 0 nhân viên.
- Cấp THCS: Cần theo định mức 06 CBQL, 51 GV, 06 nhân viên.

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho toàn thể cán bộ quản lý và GV các ngành học, cấp học. Tăng cường bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, triển khai các nội dung bồi dưỡng về chính trị; bồi dưỡng về quản lý nhà nước, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản cho cán bộ quản lý và GV, kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh. Tạo điều kiện để cán bộ, GV được tiếp tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện việc quản lý đối với các lớp nâng cao trình độ cho cán bộ, viên chức các đơn vị trên địa bàn xã đang tham gia học tập, bồi dưỡng.

Chỉ đạo các đơn vị trường học xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng và tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường các giải pháp, tổ chức các hoạt động giao lưu chuyên môn, không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho toàn thể đội ngũ cán bộ GV.

Tuyên truyền và đẩy mạnh việc phòng chống tệ nạn xã hội trong nhà trường và trong đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và HS. Xây dựng đơn vị trường học đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hoá. Tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng chống ma túy trong học đường. Tiếp tục tổ chức ký cam kết về nhà trường không có ma túy, giữ vững các đơn vị đạt chuẩn “4 không” về ma túy.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Tiếp tục củng cố, tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học hiện có; củng cố thư viện trường học, chỉ đạo các đơn vị trường học tập trung xây dựng thư viện đạt chuẩn quốc gia.

- Thực hiện đấu thầu, mua sắm trang, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho GV và các đơn vị trường học năm học 2026 - 2027.

- Quan tâm xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, đặc biệt đối với các đơn vị trường học xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình.

- Kết thúc năm học ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị trường học kiểm kê, đánh giá khấu hao tài sản và có biện pháp bảo quản, quản lý tài sản, trang thiết bị trường để phục vụ cho năm học tiếp theo.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án kiên cố hoá trường lớp học đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình.

- Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục trên địa bàn, huy động các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân đóng góp, ủng hộ về tài chính xây dựng cơ sở vật chất trường học; vận động nhân dân và các tổ chức hiến đất để xây dựng trường, lớp học.

- Chỉ đạo các nhà trường xây dựng cảnh quan môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp trong điều kiện hiện có của mỗi đơn vị.

5. Việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, GV triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Kết luận của Bộ Chính trị (*từ năm học 2026 - 2027 cả nước dùng chung 01 bộ sách giáo khoa*). Lựa chọn đội ngũ GV cốt cán các môn học làm nòng cốt trong công tác bồi dưỡng GV và triển khai chương trình giáo dục phổ thông để tham gia bồi dưỡng theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và triển khai tập huấn, bồi dưỡng đại trà tại huyện theo hình thức tập trung.

- Xác định nhu cầu GV ở từng môn học, lớp học, cấp học; xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ và phối hợp với các cơ sở đào tạo GV tổ chức đào tạo, bồi dưỡng GV để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Ưu tiên tuyển bổ sung GV đáp ứng việc triển khai các môn học các môn học đặc biệt là Tiếng Anh, Tin học, Ngữ văn...

- Chương trình giáo dục Stem:

+ Tăng cường giáo dục Stem, đặc biệt thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật và tích cực hưởng ứng tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật do UBND huyện tổ chức hàng năm.

+ Tăng cường các hoạt động ngoại khóa với chủ đề dự án học tập Stem đối với những đơn vị trường học có điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo.

+ Tăng cường giao lưu học tập kinh nghiệm với những đơn vị phát triển mạnh về giáo dục Stem trong và ngoài huyện.

6. Công tác duy trì phổ cập giáo dục

Chỉ đạo các trường MN tăng cường phối hợp với Ban chỉ đạo xây dựng XHHT xã, các bản thực hiện tốt hơn nữa công tác duy trì kết quả PCGD MN cho trẻ 05 tuổi.

Tiếp tục duy trì xã đạt chuẩn Quốc gia PCGD THCS mức 2, XMC mức độ 2 và PCGD TH mức độ 3.

Tiếp tục chỉ trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả: Việc phân công nhiệm vụ và triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Ban Giám đốc đảm bảo khoa học, phù hợp với sở trường, năng lực và kinh nghiệm công tác của từng thành viên trong Ban Giám đốc; Ban Giám đốc phải thực hiện quản lý, điều hành các hoạt động của trung tâm theo Kế hoạch; Kế hoạch của trung tâm phải bám sát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được cụ thể hóa về mục tiêu phân đầu thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng.

7. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; từng bước xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng của các trường MN, phổ thông để quản lý chất lượng đảm bảo thực chất và hiệu quả.

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào việc triển khai công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Từng bước nâng cao năng lực cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Rà soát các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia của tất cả các đơn vị trường học trong xã. Ngoài ra rà soát và đề nghị công nhận lại đối với trường MN Chiềng Khoa (*kiểm định Cấp độ 3*), trường TH&THCS Tô Múa (*tạm dừng kiểm định lại thời điểm tháng 12/2025*).

8. Công tác tổ chức nấu ăn học HS bán trú

Duy trì tốt kế hoạch tổ chức nấu ăn cho HS bán trú tại các đơn vị trường phổ thông có HS bán trú.

Chỉ đạo các đơn vị trường học quy hoạch diện tích đất, khuôn viên khu bán trú HS, đảm bảo diện tích xây dựng bếp ăn, nhà ở bán trú cho HS.

Triển khai tập huấn cho cán bộ quản lý các đơn vị trường học về nghiệp vụ trong công tác quản lý, giáo dục HS bán trú.

Bổ sung biên chế nhân viên cho các đơn vị trường học để thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục và nuôi dưỡng HS bán trú.

9. Công tác chuyển đổi số

Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong GD&ĐT; tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học trực tuyến và trong công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

Chỉ đạo các nhà trường tổ chức cho GV tham gia xây dựng kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện và các học liệu khác; sử dụng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn

học; triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực GD&ĐT. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành. Triển khai thực hiện học bạ số.

Thực hiện tốt công tác đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ quan, trường học.

10. Công tác thi đua khen thưởng

Tiếp tục triển khai các văn bản hướng dẫn về thi đua khen thưởng của các cấp, ngành.

Tăng cường triển khai các giải pháp thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua bám sát các văn bản chỉ đạo của ngành.

Đánh giá đúng, thực chất, công bằng, khách quan trong triển khai, tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

11. Công tác tài chính

Thực hiện nghiêm công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai tình hình quản lý sử dụng ngân sách của đơn vị. Các đơn vị dự toán công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách theo đúng quy định hiện hành.

Chỉ đạo các đơn vị trường học tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản công bám sát với tình hình thực tế của từng đơn vị. Thực hiện công khai tình hình quản lý và sử dụng ngân sách, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hiện công tác cấp phát các chế độ chính sách cho HS và GV đảm bảo đúng quy định.

Thực hiện quyết toán thu, chi đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo công khai, minh bạch.

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với giáo dục. Triển khai, tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách giáo dục, làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục; coi việc phát triển nâng cao chất lượng giáo dục là một chỉ tiêu phấn đấu xây dựng chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác Đảng trong các đơn vị trường học.

2. Chỉ đạo các đơn vị trường học tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, GV toàn ngành, tăng cường kỷ cương, nề nếp trong hoạt động giáo dục, từng bước xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá HS; phát huy sáng tạo của GV, HS trong các nhà trường. Thực hiện tốt quy chế dân chủ tại các đơn vị trường học.

3. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp về kiến thức, kỹ năng quản lý và phẩm chất đạo đức; đồng thời điều chỉnh, sắp xếp, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học theo yêu

cầu phù hợp với phẩm chất, năng lực và trình độ. Xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế điều động và luân chuyển cán bộ quản lý, GV trên địa bàn huyện. Thực hiện điều động và luân chuyển đảm bảo đúng quy chế, công khai, dân chủ, công bằng, hợp lý để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý và GV.

4. Chỉ đạo các đơn vị trường học đánh giá xếp loại GV, bỏ phiếu tín nhiệm, xếp loại đối với cán bộ quản lý trường học cuối năm học; xây dựng phương án quy hoạch cán bộ quản lý trường học theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Coi trọng công tác rà soát, đánh giá xếp loại đội ngũ cán bộ quản lý và GV để bố trí sử dụng có hiệu quả; kiên quyết xử lý kỷ luật, không bố trí giảng dạy những cán bộ GV năng lực kém, phẩm chất yếu, liên quan đến các tệ nạn xã hội; đề xuất biện pháp giải quyết cán bộ, GV yếu kém về năng lực, không đáp ứng yêu cầu.

5. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục - đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục - đào tạo, cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ và cơ sở vật chất thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

6. Tăng cường công tác bồi dưỡng, phụ đạo HS yếu kém ở các trường phổ thông, đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng cho HS dân tộc. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá đối với HS các lớp cuối cấp theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, xếp loại đối với HS của nhà trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao UBND xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch trên phạm vi toàn huyện, thường xuyên đôn đốc việc thực hiện nội dung của Kế hoạch này và các kế hoạch chuyên đề về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết./.
